

**CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN THỰC PHẨM VIỆT NGÀ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN THỰC PHẨM VIỆT NGÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NGA AGRICULTURAL PRODUCT FOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET NGA AGRICULTURAL PRODUCT FOOD CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107033230

**3. Ngày thành lập:** 16/10/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm 4, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0928.177.771

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                          | 1010                                                         |
| 2.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                  | 1020                                                         |
| 3.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                             | 1030(Chính)                                                  |
| 4.  | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                          | 1040                                                         |
| 5.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                      | 1050                                                         |
| 6.  | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                              | 1061                                                         |
| 7.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                            | 1062                                                         |
| 8.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                            | 1071                                                         |
| 9.  | Sản xuất đường                                                                                                                                                           | 1072                                                         |
| 10. | Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo                                                                                                                                       | 1073                                                         |
| 11. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                             | 1074                                                         |
| 12. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                            | 1080                                                         |
| 13. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ lương thực , thực phẩm, đồ uống | 4711                                                         |
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4721                                                         |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4722                                                         |
| 16. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                           | 4723                                                         |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>Đại lý, môi giới                                                                                                               | 4610                                                         |
| 18. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                   | 4620                                                         |
| 19. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                             | 4631                                                         |
| 20. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                       | 4632                                                         |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                     | 8299                                                         |
| 22. | (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 112410704

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tây

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 4, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 4, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 112410704

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tây

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Xóm 4, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

*Xóm 4, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội